



DANH MỤC- СПЕЦИФИКАЦИЯ

Tên hàng hóa/Dịch vụ - На приобретение товаров/услуг: Vật tư tiêu hao phục vụ dự án UWILD FPSO Armada 2026.

Số ĐHXN - № заявки: DN.XVTB-0094/26-TVT

STT П/п	Mã Vật Tư Код МТР	Tên VTTB/dịch vụ (Việt/Nga hoặc Anh) Наименование МТР/услуг (вьетнам./русс. или англ.)	Đặc Tính Kỹ Thuật Технические характеристики	ĐVT Ед. Изм.	Số Lượng Кол-во	Ghi Chú Примечание
(1)	(2)	(3)	(4)	(5)	(6)	(7)
I. VẬT TƯ THIẾT BỊ						
1	050.001.06302	Bộ lục giác hệ inch 12 chi tiết (1/16inch - 3/8inch) / Набор ключей - (inch)/ Hex wrench set	Bộ 12 khóa lục giác hệ inch/ Набор шестигранных ключей (inch)/ Hex wrench set: 1/16"; 5/64"; 3/32"; 7/64"; 1/8"; 9/64"; 5/32"; 3/16"; 7/32"; 1/4"; 5/16"; 3/8". Vật liệu/ Материаль/Material: thép không gỉ Stanley 69-257 1/16" – 3/8" hoặc tương đương	Set	1,00	
2	041.005.00623	Băng keo Cao áp 3M SCOTCH 23 - Băng keo Cao áp 3M SCOTCH 23/Тепло- и электро-изоляционные материалы		Roll	10,00	
3	024.001.00718	Thang nhôm chữ A dài 2m - Алюминиевая лестница (Лестница А) 2м	"Thang nhôm chữ A 2m/Лестничная стремянка двухсторонняя 2 метра Xuất xứ: Việt Nam Model: TA20, tải trọng 120 kg" hoặc chủng loại tương đương	Pce	1,00	
4	025.001.00017*	Dây an toàn 2 móc kèm dây chống sốc 2 móc - Ремень безопасности с 2 крючками и амортизирующий страховочный шнур с 2 крючками	ADELA H-4501 Sợi Polyester siêu bền. Khóa D sau lưng chịu lực >2000kg Thiết kế điều chỉnh linh hoạt Tiêu chuẩn an toàn Châu Âu (hoặc tương đương)	Set	2,00	
5	050.001.05948	Zatоч.станок - Máy mài 2 đá		Pce	1,00	
6	009.004.00120	Pin AAA / батарея	- Pin AAA - Pin kiềm / Alkaline - Điện thế: 1.5V Mã tham khảo: Energizer Max E92 BP2 AAA 1.5V LR03	Pce	5,00	
7	009.004.00372	Pin AA - батарея	Loại pin: Pin kiềm / Alkaline. Điện thế: 1.5 V. Kích thước: Pin AA/ Pin tiêu/ R6/ LR6.	Pce	5,00	
8	030.032.00015	Bình xịt ri RP7-		Bottle	5,00	

		Антикоррозийная жидкость				
9	019.008.00203*	Máy đo điện trở cách điện 1kV - Измеритель сопротивления изоляции	Dài đo kiểm tra cách điện: 1507: 0,01 MΩ đến 10 GΩ 1503: 0,1 MΩ đến 2000 MΩ Điện áp thử cách điện: 1507: 50 V, 100 V, 250 V, 500 V, 1000 V 1503: 500 V, 1000 V Tham khảo Fluke 1503 (hoặc tương đương)	Pce	1,00	
10	030.023.00393	Dung dịch vệ sinh thiết bị điện/ Contact Cleaner - Очиститель контактов		Bottle	5,00	
11	012.023.00013*	Cáp điện 3×50+1×35mm ² 0.6/1kV - Силовой кабель	Cadivi Cáp 4 lõi đồng (Cu) 3 dây pha 50mm ² và 1 dây trung tính 35mm ² Cách điện: XLPE/PVC, chịu điện áp pha 0.6kV và điện áp dây 1kV (hoặc tương đương)	Metre	70,00	
12	009.001.00706	Battery 12V 200Ah/ Ắc quy khô/ Батарея	For starting motors, sealed lead acid battery, maintenance-free, c/w bolts, terminals and connectors, 12V; 200Ah; CCA 1000A; Dimension 510 x 275 x 238mm; Battery life: 4 years or more. Refer to Model: Delkor N200 or equivalent. Dùng để khởi động động cơ, ắc quy axit chì kín, không cần bảo trì, kèm theo bu lông, đầu nối và cọc bình, 12V; 200Ah; CCA 1000A; Kích thước 510 x 275 x 238mm; Tuổi thọ ắc quy: 4 năm trở lên. Tham khảo Model: Delkor N200 hoặc tương đương	Pce	1,00	

(*) : New items

Giám đốc XN/ Директор Предприятия

Dương Bình Minh

Thỏa thuận/ Сoзласовано:

Phó Giám đốc XN/ Зам.директора ПМТиВР

Phạm Bá Linh

Ký tắt/ Viza:

Trưởng phòng DV-TM-VT/ Начальник ООУКиМО

Nguyễn Ngọc Sơn

Trưởng ban Lặn/ Начальник ССПТР

Đinh Bình Nam

Người thực hiện – Исполнитель: Trần Bá Kiên, DT:3432